

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07/01/2026

“Về: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Hương.
2. Bà Nguyễn Thị Lê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 125/2025/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Minh T, sinh ngày 11/9/1985

CCCD: 034185014804

Nơi cư trú: Thôn 4 – B, xã B, tỉnh Đ.

*** Bị đơn:** Anh Hoàng Thanh S, sinh ngày 06/8/1980

CCCD: 044080005412

Nơi cư trú: Thôn 4 – B, xã B, tỉnh Đ.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Minh T trình bày:**

Chị và anh Hoàng Thanh S tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện T, tỉnh Q. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu

thuần do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong làm ăn kinh tế, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 02 con chung là Hoàng Như Q, sinh ngày 09/12/2009 và Hoàng H, sinh ngày 20/5/2019. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hoàng Thanh S trình bày:**

Anh xác nhận quan hệ hôn nhân với chị T là hợp pháp. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên anh cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, vẫn còn khả năng hàn gắn nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T vì không muốn xa các con.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì để các con tự nguyện lựa chọn người trực tiếp nuôi dưỡng; không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai trình bày quan điểm:**

Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định.

Về nội dung vụ án: Do mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh S đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Xét nguyện vọng của con chung Hoàng Như Q, sinh ngày 09/12/2009 có nguyện vọng được ở với bố nên đề nghị giao cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Hải, sinh ngày 20/5/2019.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị T có mặt, bị đơn anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện T, tỉnh Q. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T trình bày vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong làm ăn kinh tế, anh S có hành vi ghen tuông, kiểm soát chị về thời gian, quan hệ bạn bè trong thời gian dài gây ức chế cho chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh S.

Anh Hoàng Thanh S xác nhận có mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống nhưng cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, không đồng ý ly hôn vì không muốn xa các con.

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị T và anh S đã kéo dài, các bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; quá trình hòa giải tại Tòa án không thành. Cả hai đương sự đều thừa nhận tình trạng hôn nhân có mâu thuẫn, đời sống chung không hòa hợp. Việc anh S không đồng ý ly hôn vì cho rằng không muốn xa các con nhưng không đưa ra được giải pháp cụ thể để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T và anh S có 02 con chung là Hoàng Như Q, sinh ngày 09/12/2009 và Hoàng Hải, sinh ngày 20/5/2019.

Xét nguyện vọng của con chung Hoàng Như Q (đã đủ 15 tuổi) thể hiện tại Biên bản ghi ý kiến ngày 08/12/2025, cháu có nguyện vọng được sống cùng cha là anh Hoàng Thanh S. Đối với cháu Hoàng Hải sinh năm 2019, hiện còn nhỏ, cần sự chăm sóc trực tiếp, thường xuyên của người mẹ.

Xét điều kiện thực tế chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của các đương sự và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung Hoàng Như Q cho anh Hoàng Thanh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Hoàng H cho chị Phạm Thị Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Các bên không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Khoản 4 Điều 147; các điều 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Minh T đối với bị đơn anh Hoàng Thanh S; Xử cho chị Phạm Thị Minh T được ly hôn với anh Hoàng Thanh S.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Như Q, sinh ngày 09/12/2009 cho anh Hoàng Thanh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao con chung Hoàng H, sinh ngày 20/5/2019 cho chị Phạm Thị Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Đồng thời có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Minh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002810 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 12-ĐN;
- THADS Đồng Nai;
- UBND xã Bom Bò;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN VĂN HUỆ

